

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 14
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 08-10-2025
V/v “Tranh chấp ly hôn, con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Hạnh;

Ông Trần Văn Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Quang Thi - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Thành phố Hồ Chí Minh có công văn số 105/CV-VKS ngày 22/9/2025 về việc không tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 10 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14 - Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 64/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2025, về “Tranh chấp ly hôn, con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2025/QĐXX-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2025/QĐST-HPT, ngày 22 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Bùi Văn L, sinh năm 1979; (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Căn cước công dân số: 075079014161, cấp ngày 10/5/2021;

Địa chỉ: Thôn Q, xã N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là xã N, Thành phố Hồ Chí Minh).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1982. (Vắng mặt).

Căn cước công dân số: 051182010002, cấp ngày 10/5/2021;

Địa chỉ: Thôn Q, xã N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là xã N, Thành phố Hồ Chí Minh).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các biên bản làm việc nguyên đơn ông Bùi Văn L, trình bày: Ông Bùi Văn L và bà Nguyễn Thị H yêu thương nhau rồi đi đến kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 01/11/2002 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc hòa thuận nhưng đến cuối năm 2021 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, bà H không tôn trọng ông L. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, kéo dài và trở nên trầm trọng hơn khi ông L bị tai nạn nhưng bà H không quan tâm, lo lắng cho ông L. Nay ông L cảm thấy không còn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông L yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống thì giữa ông L và bà H có 02 người con chung là cháu Bùi Thị Dung N, sinh ngày 10/02/2005 và cháu Bùi Nguyễn Gia H1, sinh ngày 02/08/2011. Hiện nay cháu N đã trưởng thành trên 18 tuổi. Nếu ly hôn ông L đồng ý giao cho bà H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu H1 và ông L không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị H đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập, thông báo đến Tòa án để tham gia phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa nhưng bà H vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và không ghi nhận được ý kiến của bà H.

Tại biên bản xác minh tại địa phương ngày 15/8/2025 ghi nhận nội dung: Ông L và bà H kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn, thời gian đầu chung sống hòa thuận hạnh phúc, thời gian gần đây thấy nảy sinh mâu thuẫn, có lần ông L làm đơn lên ban thôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Bùi Văn L và bà Nguyễn Thị H có đăng ký kết hôn, nay ông L xin ly hôn nên đây là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bà Nguyễn Thị H đang cư trú tại xã N, Thành phố Hồ Chí Minh, căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm quyền

của Toà án nhân dân huyện Châu Đức.

[2] Ông Bùi Văn L có đơn xin xét xử vắng mặt; bà Nguyễn Thị H mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do vì vậy căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với ông L và bà H.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Theo ông L trình bày thì ông L và bà H yêu thương nhau rồi đi đến cưới nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 01/11/2002 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc hòa thuận nhưng đến cuối năm 2021 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, bà H không tôn trọng ông L. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, kéo dài và trở nên trầm trọng hơn khi ông L bị tai nạn nhưng bà H không quan tâm, lo lắng cho ông L. Nay ông L cảm thấy không còn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông L yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà H.

Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ở địa phương ngày 15/8/2025 ghi nhận được nội dung: Ông L và bà H kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn, thời gian đầu chung sống hoà thuận hạnh phúc, thời gian gần đây thấy nảy sinh mâu thuẫn, có lần ông L làm đơn lên ban thôn.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo, triệu tập các bên đến trụ sở Tòa án để ghi nhận ý kiến và hoà giải, nhưng do bà H vắng mặt nên không thể ghi nhận ý kiến và hoà giải hàn gắn được.

Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và lời khai của người làm chứng nhận thấy có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng của nguyên đơn và bị đơn là trầm trọng, cả hai đều không có tiếng nói chung, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận cho ông L được ly hôn với bà H.

[4] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Ông L và bà H có 02 người con chung là cháu Bùi Thị Dung N, sinh ngày 10/02/2005 và cháu Bùi Nguyễn Gia H1, sinh ngày 02/08/2011. Hiện nay cháu N đã trưởng thành trên 18 tuổi. Nếu ly hôn ông L đồng ý giao cho bà H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu H1 và ông L không cấp dưỡng nuôi con chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án cháu Nguyễn Gia H1 trình bày ý kiến, nguyện vọng muốn sống chung với bà H. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập, thông báo, tuy nhiên bị đơn bà H không đến toà làm việc nên không thể ghi nhận ý kiến của bà H về con chung.

Do không ghi nhận được ý kiến của bị đơn liên quan đến con chung nên căn

cứ vào ý kiến của nguyên đơn ông L, nguyện vọng người có quyền lợi, nghĩa vụ được bảo vệ cháu H1 và nhận thấy bà H2 có nghề nghiệp và nơi ở ổn định. Do đó căn cứ vào Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, giao cho bà H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu H1. Ông L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Bùi Văn L không yêu cầu Tòa án giải quyết, không ghi nhận được ý kiến của bà H về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét về tài sản chung và nợ chung.

[6] Về án phí: Ông Bùi Văn L phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Xử cho ông Bùi Văn L được ly hôn với bà Nguyễn Thị H.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Bùi Nguyễn Gia H1, sinh ngày 12/8/2011. Ông Bùi Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Bùi Văn L được quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con.

Về án phí: Ông Bùi Văn L phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005470, ngày 24 tháng 7 năm 2025 của Thị hành án dân sự Thành phố H. Ông Bùi Văn L đã nộp xong án phí sơ thẩm.

Hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 08 tháng 10 năm 2025) các đương sự được quyền kháng cáo. Do ông L và bà H đều vắng mặt nên thời

hạn này được tính từ ngày nhận được bản án do Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TA Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND cùng cấp;
- THADS Tp. Hồ Chí Minh;
- **UBND xã Nghĩa Thành;**
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Văn Tiến

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Văn Tiến